

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐỒN ĐIỀN ĐỔI THỬA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Khuong Mạnh Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Vượng<sup>1</sup>, Xuân Thị Thu Thảo<sup>2</sup>, Trần Thị Thanh Bình<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang

<sup>2</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.1.133-142>

## TÓM TẮT

Đồn điền đổi thửa (DĐĐT) khắc phục tình trạng manh mún đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học và áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp (SXNN) hàng hóa góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của nông hộ. Kết quả công tác DĐĐT đã có tác động tích cực đến SXNN tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang như: tăng quy mô diện tích thửa đất từ 538,9 m<sup>2</sup> lên 989,6 m<sup>2</sup>, giảm bình quân số thửa/hộ từ 5,03 thửa xuống 2,31 thửa; tăng hệ số sử dụng lên 0,2 lần, hình thành 19 cánh đồng mẫu lớn với diện tích tối thiểu 20 ha, đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ giới hóa trong khâu làm đất, thu hoạch, liên kết sản xuất và bán sản phẩm. Ngoài ra, kết quả của công tác này còn tác động đến quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đạt 34,31%), biến động cơ cấu và hệ số sử dụng đất nông nghiệp. Phương án DĐĐT nhận được sự đồng thuận của phần lớn nhân dân các xã trong huyện với 88,14% hộ gia đình đồng ý. Cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN sau DĐĐT như hệ thống giao thông, kênh mương nội đồng được đầu tư nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các mô hình SXNN hàng hóa góp phần nâng cao thu nhập và đời sống nông hộ. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của công tác DĐĐT cần phải thực hiện các giải pháp đồng bộ với sự đồng thuận của người dân địa phương. **Từ khóa:** cánh đồng mẫu lớn, đồn điền đổi thửa, manh mún đất đai, mô hình sản xuất nông nghiệp, Tân Yên - Bắc Giang.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng manh mún đất đai ảnh hưởng đến phát triển SXNN hàng hóa, cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; làm tăng chi phí sản xuất, làm mất đất canh tác, tăng chi phí hoàn thiện hồ sơ địa chính, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai (Lã Bình Minh, 2011). Sự manh mún ruộng đất dẫn đến tình trạng hiệu quả sản xuất kém, hạn chế khả năng đổi mới và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (Nguyễn Sinh Cúc, 2003). Công tác DĐĐT khắc phục tình trạng manh mún đất đai góp phần tăng năng suất cây trồng, tiết kiệm thời gian, chi phí, công lao động, tạo điều kiện áp dụng cơ giới hóa trong SXNN (Xuân Thị Thu Thảo và cs, 2015). Đồn đổi ruộng đất là hết sức cần thiết, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng nền SXNN hàng hóa, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, tạo điều kiện để nông hộ yên tâm, gắn bó với SXNN (Nguyễn Sinh Cúc, 2003).

Tân Yên là huyện nằm ở phía Tây của tỉnh Bắc Giang, gồm 22 xã, thị trấn có tổng diện tích tự nhiên là 20.830,64 ha, bình quân đất canh tác khoảng 766 m<sup>2</sup>/người (UBND huyện Tân Yên, 2020). Ruộng đất của các nông hộ phân bố trên

khắp các cánh đồng dẫn đến tình trạng chia nhỏ, manh mún. Từ năm 2014 cho đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện công tác đồn đổi ruộng đất và đã đạt được những thành công nhất định, có tác động tích cực đến phát triển SXNN, thay đổi bộ mặt nông thôn và góp phần nâng cao đời sống của nông hộ. Tuy nhiên, vẫn có những xã trong quá trình thực hiện gặp nhiều vướng mắc dẫn đến kéo dài thời gian, gây tốn kém sức người và tiền của. Việc đánh giá thực trạng cũng như tác động của DĐĐT đến SXNN và xác định các vấn đề tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn đối với địa phương.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý sử dụng đất trước và sau đồn điền đổi thửa, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong SXNN tại địa phương thông qua Chi cục Thống kê, Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp... Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tham khảo các tài liệu đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành và mạng thông tin điện tử.

### 2.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Căn cứ vào kết quả tình hình đồn điền đổi

thừa của 20/22 xã tại huyện, nghiên cứu lựa chọn 12 xã làm điểm nghiên cứu (là các xã đã có kết quả nghiệm thu diện tích dồn điền đổi thửa và đã, đang hình thành cánh đồng mẫu lớn và có thị trường tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch) gồm: Đại Hóa, Ngọc Vân, Ngọc Lý, Quang Tiến, Liên Sơn, Lan Giới, Cao Xá, Nhã Nam, Lam Cốt, Phúc Sơn, Ngọc Thiện và Song Vân.

**2.3. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp**

Dựa trên công thức tính dung lượng mẫu điều tra của Slovin (1960):

$n = N / (1 + N \cdot e^2)$  với  $N = 11360$  (số lượng hộ thực hiện DĐĐT của 12 xã điều tra),  $e = 5\%$  (sai số cho phép). Kết quả tính được số lượng mẫu cần điều tra là 312 hộ (26 hộ/xã). Thông tin điều tra các hộ bao gồm: thông tin chung của hộ, diện tích đất SXNN trước và sau DĐĐT, ý kiến của hộ gia đình về chính sách DĐĐT.

**2.4. Phương pháp tổng hợp, xử lý số liệu**

Tiến hành phân tích, tổng hợp các thông tin, tài liệu có liên quan, thống kê và xử lý số liệu theo mục tiêu, nội dung nghiên cứu. Số liệu được thống kê và xử lý bằng phần mềm Excel.

**2.5. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu**

Tiến hành tính toán trên cơ sở số liệu thu thập,

điều tra làm căn cứ đưa ra các nhận định, phân tích và đánh giá về thực trạng và tác động của công tác DĐĐT. Các tiêu chí đánh giá tác động của DĐĐT đến phát triển SXNN của địa phương và nông hộ: công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau DĐĐT, tình trạng manh mún đất đai, biến động cơ cấu và hệ số sử dụng đất nông nghiệp trước và sau DĐĐT, triển khai quy hoạch mô hình cánh đồng mẫu lớn, mô hình sản xuất hàng hóa tập trung, đánh giá của người dân tham gia DĐĐT.

**3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Thực trạng công tác DĐĐT huyện Tân Yên**

Công tác DĐĐT huyện Tân Yên được khởi động thực hiện từ năm 2014 với 11 xã. Tính đến năm 2020 công tác DĐĐT của huyện được thực hiện trên địa bàn 20/22 xã, thị trấn (02 xã chưa thực hiện là Hợp Đức và Phúc Hòa) với tổng diện tích theo kế hoạch là 1955,95 ha. Kết quả có 12/20 xã có diện tích thực hiện DĐĐT được nghiệm thu với tỷ lệ bình quân toàn huyện đạt 63,27%. Đây là thực tế khó khăn chung trong công tác DĐĐT của các địa phương miền núi với địa hình đất đai không bằng phẳng, đất sản xuất nông nghiệp nằm xen kẽ với khu dân cư.

**Bảng 1. Kết quả thực hiện dồn điền đổi thửa tại huyện Tân Yên**

STT	Tên xã, thị trấn	DT cần thực hiện theo kế hoạch (ha)	Diện tích đã tổ chức nghiệm thu (ha)	Tỷ lệ nghiệm thu (%)
1	Đại Hóa	130,53	93,03	71,27
2	Ngọc Vân	124,50	104,94	84,29
3	Ngọc Lý	399,60	394,41	98,70
4	Quang Tiến	112,96	97,86	86,63
5	Liên Sơn	35,00	30,00	85,71
6	Lan Giới	83,98	64,24	76,49
7	Liên Chung	60,00	-	-
8	Cao Xá	74,40	14,40	19,35
9	Ngọc Châu	40,00	-	-
10	Nhã Nam	35,80	30,0	83,80
11	An Dương	80,00	-	-
12	Tân Trung	20,00	-	-
13	Lam Cốt	119,30	80,0	67,06
14	Phúc Sơn	146,10	112,70	77,14
15	Việt Ngọc	60,00	-	-
16	Ngọc Thiện	174,97	114,97	65,71
17	Song Vân	133,81	104,10	77,80
18	Quế Nham	40,00	-	-
19	Việt Lập	50,00	-	-
20	Cao Thượng	40,00	-	-
<b>Tổng</b>		<b>1960,95</b>	<b>1240,65</b>	<b>63,27</b>

(Nguồn: Phòng Tài nguyên & Môi trường Tân Yên, 2020)

Số liệu bảng 1 cho thấy, các xã đạt tỷ lệ diện tích nghiệm thu cao là Ngọc Lý 98,70%, Quang Tiến 86,63%, Liên Sơn 85,71%, Ngọc Vân 84,29%, Nhã Nam 83,80% là do triển khai công tác ĐDDT sớm hơn. Trong quá trình thực hiện có sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của chính quyền địa phương, sự đồng thuận cao của nhân dân. Điều kiện địa hình đất đai các xã tương đối bằng phẳng, tỷ lệ đất xen kẽ thấp. Các xã đạt tỷ lệ diện tích nghiệm thu ở mức thấp hơn như Đại Hóa, Lan Giới, Lam Cốt, Phúc Sơn, Ngọc Thiện, Song Vân (60 - 80%), cá biệt như xã Cao Xá có tỷ lệ diện tích nghiệm thu đạt 19,35%. Nguyên nhân chính là do nhiều vị trí, số lượng thửa đất, quy mô diện tích đất giao cho các hộ dân thay đổi rất nhiều, song việc cấp GCNQSDĐNN cho các hộ dân lại thể hiện một số bất cập, chưa kịp thời và lúng túng. Công tác chỉ đạo thực hiện thiếu cương quyết, chưa hiệu quả, phương án ĐDDT chưa nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân, nhận thức của một bộ phận nhân dân về ĐDDT còn hạn chế. Ngoài ra, trên địa bàn các xã này có nhiều diện tích đất nông nghiệp canh tác xen kẽ, địa hình đất đai không bằng

phẳng. Các xã còn lại như Liên Chung, Ngọc Châu, An Dương, Tân Trung, Việt Ngọc, Quế Nham, Việt Lập và Cao Thượng do mới bắt đầu triển khai thực hiện hoặc trong quá trình thực hiện phát sinh vấn đề khó khăn nên chưa có kết quả nghiệm thu.

**3.2. Tác động của công tác ĐDDT đến tình hình quản lý và sử dụng đất nông nghiệp huyện Tân Yên**

**3.2.1. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau ĐDDT**

Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nông nghiệp sau ĐDDT có ý nghĩa hết sức quan trọng, là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác định quyền của người sử dụng đất, giúp người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nhận thức được vấn đề trên sau khi triển khai công tác ĐDDT, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên & Môi trường, UBND các xã thúc đẩy công tác cấp GCNQSDĐ cho các diện tích đã thực hiện nghiệm thu. Kết quả cấp GCNQSDĐ sau ĐDDT của huyện được thể hiện qua bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả cấp GCNQSDĐ sau ĐDDT huyện Tân Yên**

STT	Tên xã, thị trấn	Hồ sơ phải cấp	Hồ sơ đã kê khai	Hồ sơ đã thẩm định	Hồ sơ đã ký quyết định cấp	Tỷ lệ cấp GCN
1	Đại Hóa	1548	1474	196	196	12,66
2	Ngọc Vân	3188	1118	300	300	9,41
3	Ngọc Lý	2834	2255	2255	2255	79,57
4	Quang Tiến	1568	1018	423	423	26,98
5	Liên Sơn	650	650	250	250	38,46
6	Lan Giới	666	666	492	492	73,87
7	Liên Chung	-	-	-	-	
8	Cao Xá	490	153	0	0	0
9	Ngọc Châu	-	-	-	-	
10	Nhã Nam	170	170	170	170	100,00
11	An Dương	-	-	-	-	
12	Tân Trung	-	-	-	-	
13	Lam Cốt	807	331	331	331	41,02
14	Phúc Sơn	1341	282	282	282	21,03
15	Việt Ngọc	-	-	-	-	
16	Ngọc Thiện	684	370	100	100	14,62
17	Song Vân	1138	505	376	376	33,04
18	Quế Nham	-	-	-	-	
19	Việt Lập	-	-	-	-	
20	Cao Thượng	-	-	-	-	
<b>Tổng</b>		<b>15084</b>	<b>8992</b>	<b>5175</b>	<b>5175</b>	<b>34,31</b>

(Nguồn: Phòng Tài nguyên & Môi trường Tân Yên – UBND huyện Tân Yên, 2020)

Kết quả cho thấy tiến độ cấp GCNQSDĐ sau DĐĐT là rất chậm. Số hồ sơ kê khai đăng ký đạt 8992/15084 hồ sơ (đạt tỷ lệ 59,61%), số GCNQSDĐ được cấp mới đạt tỷ lệ 34,31%. Nguyên nhân chính là do một số xã hiện còn chưa nghiệm thu được diện tích đã DĐĐT nên không bảo đảm điều kiện cấp giấy hoặc sau khi dồn đổi còn tự ý chuyển nhượng cho hộ khác song không làm thủ tục đúng quy định, mất nhiều thời gian xác định chủ ban đầu. Có trường hợp xảy ra hiện tượng chênh lệch về diện tích giữa phương án DĐĐT và kết quả đo thực tế. Ngoài ra còn nguyên nhân do hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ không đồng bộ, nhiều hộ gia đình, cá nhân đi làm ăn xa nên việc kê khai, thiết

lập hồ sơ khó khăn; các hộ gia đình chưa thống nhất phân chia được quyền thừa kế; việc mua bán, chuyển nhượng đất nông nghiệp không chấp hành các quy định của pháp luật. Ngoài ra, một số xã chưa có kết quả cấp GCNQSDĐ là do chưa có diện tích DĐĐT được nghiệm thu hoặc đơn vị tư vấn đang trong quá trình thực hiện thủ tục kê khai.

**3.2.2. Khắc phục tình trạng manh mún đất đai**

Việc DĐĐT tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý và sử dụng đất nông nghiệp, khắc phục tình trạng manh mún đất đai. Kết quả tổng hợp số thửa đất và diện tích trước và sau dồn điền đổi thửa của các hộ gia đình tại huyện Tân Yên được thể hiện ở bảng 3.

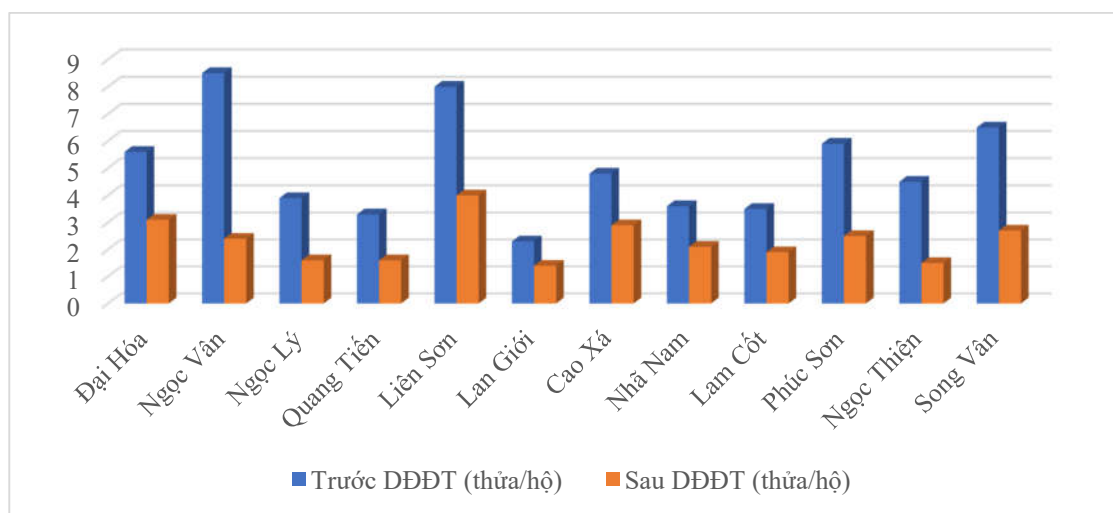
**Bảng 3. Số thửa đất và diện tích thửa đất trước của hộ gia đình trước và sau DĐĐT**

STT	Xã	Diện tích đã DĐĐT đã nghiệm thu (ha)	Số thửa đất/hộ		Diện tích/thửa đất	
			Trước DĐĐT (thửa/hộ)	Sau DĐĐT (thửa/hộ)	Trước DĐĐT (m <sup>2</sup> /thửa)	Sau DĐĐT (m <sup>2</sup> /thửa)
1	Đại Hóa	93,03	5,6	3,1	440,3	813,5
2	Ngọc Vân	104,94	8,5	2,4	270,0	804,4
3	Ngọc Lý	394,41	3,9	1,6	666,5	1474,0
4	Quang Tiến	97,86	3,3	1,6	558,2	1075,8
5	Liên Sơn	15,00	8,0	4,0	660,0	920,0
6	Lan Giới	64,24	2,3	1,4	553,0	1185,0
7	Cao Xá	14,40	4,8	2,9	550,7	941,2
8	Nhã Nam	15,80	3,6	2,1	556,7	1046,7
9	Lam Cốt	73,60	3,5	1,9	722,3	1023,5
10	Phúc Sơn	112,70	5,9	2,5	518,0	953,0
11	Ngọc Thiện	114,97	4,5	1,5	543,4	870,6
12	Song Vân	104,10	6,5	2,7	427,7	767,7
<b>Tổng</b>		<b>1205,05</b>	<b>5,03</b>	<b>2,31</b>	<b>538,9</b>	<b>989,6</b>

(Nguồn: Phòng Tài nguyên & Môi trường Tân Yên – UBND huyện Tân Yên, 2020)

Kết quả DĐĐT của 12 xã, trước DĐĐT số thửa/hộ là 5,03 thửa, sau DĐĐT còn lại 2,31 thửa, giảm 2,73 thửa/hộ; diện tích bình quân thửa đất trước DĐĐT là 538,9 m<sup>2</sup>/thửa, sau DĐĐT đạt 989,6 m<sup>2</sup>/thửa, tăng 450,7 m<sup>2</sup>/thửa. Như vậy, so với trước khi DĐĐT diện tích bình quân/thửa tăng lên rất lớn (≈1,84 lần), chứng tỏ công tác DĐĐT đang đi đúng hướng, đúng mục tiêu đề ra là giảm mạnh tình trạng manh mún đất

đai. Sau DĐĐT các hộ gia đình có diện tích ruộng tập trung đủ lớn đáp ứng yêu cầu phát triển vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa, vùng nguyên liệu tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện cơ giới hoá và kiến thiết đồng ruộng, tạo tiền đề nâng cao hiệu quả sử dụng đất SXNN, nâng cao thu nhập của nông hộ.



Hình 1. Bình quân số thửa/hộ trước và sau DĐĐT tại huyện Tân Yên

**3.2.3. Tình hình biến động diện tích, cơ cấu và hệ số sử dụng đất nông nghiệp trước và sau DĐĐT**

Quá trình DĐĐT tác động không nhỏ đến biến động diện tích, cơ cấu và hệ số sử dụng đất trong hoạt động SXNN trên địa bàn huyện.

**Bảng 4. Biến động sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Tân Yên**

STT	Loại đất	Diện tích năm 2020 (ha)	So với trước DĐĐT	
			Diện tích trước DĐĐT (2013) (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	15871,67	12946,24	2925,43
1.1	Đất trồng lúa	8055,51	8213,01	- 157,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (từ 2 vụ lúa trở lên)</i>	6716,51	6007,84	708,59
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1052,51	805,91	246,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	4081,18	1524,59	2556,59
1.4	Đất rừng sản xuất	1039,37	1223,61	- 184,24
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1069,89	1036,29	573,60
1.6	Đất nông nghiệp khác	33,21	44,52	- 11,31

(Nguồn: Phòng Thống kê, Phòng Tài nguyên & Môi trường Tân Yên - UBND huyện Tân Yên 2013, 2020)

Số liệu bảng 4 cho thấy, sau DĐĐT diện tích đất nông nghiệp của huyện tăng lên 2.925,43 ha so với thời điểm DĐĐT năm 2013 bởi 1 số lý do sau: 1) Sau dồn điền tận dụng được diện tích bờ thửa; 2) Việc sử dụng công nghệ đo đạc hiện đại sau dồn điền tại thời điểm 2020 đã xác định đúng diện tích đất nông nghiệp của các hộ, hạn chế sự sai số trong đo đạc. Diện tích các loại đất tăng chủ yếu như: đất trồng 2 vụ lúa với 708,59 ha, đất trồng cây lâu hàng năm 246,60 ha, đất

trồng cây lâu năm 2556,59 ha và đất nuôi trồng thủy sản 573,60 ha. Điều này cho thấy việc DĐĐT cùng với quy hoạch phân bổ đất SXNN đã làm thay đổi phương thức sản xuất cụ thể diện tích các loại đất theo hướng tập trung, xuất hiện nhiều cánh đồng mẫu lớn và tăng quy mô các loại cây trồng hàng hóa phát huy thế mạnh của huyện như thâm canh 2 vụ lúa, cây ăn quả, rau màu và nuôi trồng thủy sản.

**Bảng 5. Cơ cấu và hệ số sử dụng đất trước và sau DĐĐT**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Tăng (+) Giảm (-)
1	Diện tích đất SXNN	ha	12946,24	15871,67	2925,43
2	Diện tích đất chưa sử dụng	ha	396,19	75,13	-321,06
3	Tỷ lệ đất chưa sử dụng	%	3,06	0,47	-2,59
4	Tổng diện tích gieo trồng hàng năm	ha	13627,50	15537,88	1910,38
5	Diện tích đất canh tác	ha	9018,92	9108,02	89,10
6	Hệ số sử dụng đất	lần	1,51	1,71	0,20

Nguồn: Phòng Thống kê, Phòng Tài nguyên & Môi trường Tân Yên - UBND huyện Tân Yên 2013, 2020

Qua số liệu bảng 5 cho thấy, diện tích đất SXNN của huyện tăng lên đáng kể sau DĐĐT với 2925,43 ha. Việc quy hoạch, khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được huyện quan tâm nên đạt kết quả cao, giảm tỷ lệ đất sử dụng từ 3,06 % trước DĐĐT xuống còn 0,47% sau DĐĐT. Hệ số sử dụng đất trước và sau DĐĐT tăng 0,20 lần từ 1,51 lần năm 2013 lên 1,71 lần năm 2020. Đây là một trong những tác động tích cực của công tác DĐĐT.

**3.3. Tác động của công tác DĐĐT đến phát triển SXNN huyện Tân Yên**

**3.3.1. Triển khai quy hoạch mô hình cánh đồng mẫu lớn**

Từ những diện tích manh mún, phân tán sau dồn điền đã hình thành nên những cánh đồng lớn, tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng cơ giới hóa, thâm canh vào sản xuất. Kết quả xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn sau DĐĐT tại huyện Tân Yên thể hiện qua bảng 6.

**Bảng 6. Thực trạng quy hoạch cánh đồng mẫu lớn sau DĐĐT huyện Tân Yên**

STT	Xã	Tổng số cánh đồng mẫu lớn		Quy mô			Cơ giới hóa	Liên kết sản xuất	Bao tiêu sản phẩm
		Số lượng	Diện tích (ha)	> 50 ha	30-50 ha	20-30 ha			
1	Đại Hóa	2	61,0	-	2	-	2	2	2
2	Ngọc Vân	1	30,0	-	1	-	1	1	1
3	Ngọc Lý	3	120,0	1	1	1	3	3	3
4	Quang Tiến	1	30,0	-	1	-	1	1	1
5	Liên Sơn	1	30,0	-	1	-	1	1	1
6	Lan Giới	2	60,0	-	2	-	2	2	2
7	Cao Xá	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Nhã Nam	1	30,0	-	1	-	1	1	1
9	Lam Cốt	2	80,0	1	1	-	2	2	2
10	Phúc Sơn	2	60,0	-	2	-	2	2	2
11	Ngọc Thiện	2	80,0	1	1	-	2	2	2
12	Song Vân	2	80,0	1	1	-	2	2	2
<b>Tổng</b>		<b>19</b>	<b>661,0</b>	<b>4</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp Tân Yên – UBND huyện Tân Yên 2020)

Sau DĐĐT tổng số cánh đồng mẫu lớn đã triển khai của huyện Tân Yên là 19 với diện tích đạt 661 ha trên địa bàn 11/12 xã có diện tích DĐĐT được nghiệm thu. Riêng xã Cao Xá chưa hình thành cánh đồng mẫu lớn do diện tích DĐĐT nghiệm thu không đủ lớn. Toàn bộ 19/19 cánh đồng mẫu lớn sau khi hình thành đều thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất và thu hoạch, liên

kết sản xuất, bao tiêu sản xuất với các Hợp tác xã Nông nghiệp và các doanh nghiệp chế biến nông sản. Đây là tiền đề thuận lợi cho sự phát triển ngành trồng trọt tại huyện Tân Yên theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác.

**3.3.2. Triển khai các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung**

Kết quả của công tác ĐDDT đã tạo tiền đề

thuận lợi để huyện triển khai các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung như lúa, lạc, cây ăn quả, rau quả thực phẩm (bảng 7).

**Bảng 7. Tổng hợp diện tích thực hiện các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung tại huyện Tân Yên**

STT	Mô hình	Diện tích (ha/năm)	Sản phẩm
1	Lúa chất lượng	643,3	Thiên ưu 8, Bắc Sơn, Hương thơm Kinh Bắc, TBR225, Kim Cương 111
2	Lúa giống	241,2	Giống lúa thuần Thiên ưu
3	Lạc	2.700,0	Lạc L14
4	Rau quả thực phẩm	1.396,0	Dưa hấu, dưa lê, bí, khoai tây, khoai lang, ngô ngọt, rau các loại
5	Rau quả chế biến	279,3	Ớt, dưa bao tử, cà chua bi, khoai tây chế biến
6	Cây ăn quả	3.525,0	Vải, nhãn, vú sữa, ổi,

Nguồn: Phòng Nông nghiệp Tân Yên – UBND huyện Tân Yên 2020

Qua số liệu bảng 7 cho thấy, tác động của ĐDDT đến hoạt động SXNN huyện Tân Yên rất rõ ràng. Quá trình thực hiện ĐDDT gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi dần diện tích cây lúa kém hiệu quả sang trồng các cây rau màu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn, đưa các giống có năng suất, chất lượng vào sản xuất, thực hiện luân canh tăng vụ, nâng cao hệ số sử dụng đất. Những diện tích đất triển khai

mô hình trồng các loại cây trồng hàng hóa của huyện đem lại hiệu quả kinh tế cao đã góp phần không nhỏ cải thiện đời sống, thu nhập cho người dân tại địa phương.

**3.4. Ý kiến đánh giá của người dân về tác động của ĐDDT đến sản xuất nông hộ**

Kết quả điều tra nông hộ về tác động của ĐDDT đến hoạt động SXNN của hộ gia đình thể hiện qua bảng 8.

**Bảng 8. Tổng hợp ý kiến của nông hộ về tác động của ĐDDT đến SXNN**

Nội dung phỏng vấn	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1. Đồng ý với phương án ĐDDT	312	100,00
- Đồng ý	275	88,14
- Không đồng ý	37	11,86
2. Đánh giá về giao thông, thủy lợi nội đồng sau ĐDDT	312	100,00
- Tốt hơn	312	100,00
- Không thay đổi	0	0,00
- Kém hơn	0	0,00
3. Công lao động và thời gian lao động nông nghiệp sau ĐDDT	312	100,00
- Nhiều hơn	0	0,00
- Không thay đổi	0	0,00
- Ít hơn	312	100,00
4. Áp dụng cơ giới hóa, mô hình SXNN hàng hóa sau ĐDDT	312	100,00
- Có	312	100,00
- Không	0	0,00

(Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra)

Kết quả tổng hợp ý kiến của nông hộ về cho thấy, 275/312 hộ (tương ứng 88,14%) được phỏng vấn đồng ý với phương án DĐĐT. Số ít hộ còn lại (11,86%) không đồng thuận phần lớn là do có vị trí ruộng tốt có tâm lý lo sợ không nhận được vị trí ruộng ưng ý nên không tích cực hưởng ứng công tác DĐĐT. 100% hộ gia đình được hỏi cho rằng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng được đầu tư nâng cấp và cải thiện tốt hơn trước DĐĐT. 100 % số hộ nhận định rằng công lao động, thời gian lao động nông nghiệp đã thay đổi theo hướng ít hơn do họ đều áp dụng cơ giới hóa trong khâu làm đất và thu hoạch, mạnh dạn triển khai các mô hình SXNN hàng hóa để nâng cao hiệu quả, thu nhập và đời sống của gia đình.

### **3.5. Một số tồn tại và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Tân Yên**

#### **3.5.1. Những tồn tại, khó khăn trong công tác DĐĐT**

Tiền độ cấp GCNQSDĐ sau DĐĐT còn chậm, chưa đạt yêu cầu so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do một số xã chưa có diện tích DĐĐT được nghiệm thu hoặc thực hiện phương án DĐĐT không đúng theo hồ sơ hướng dẫn nên khó khăn trong việc kê khai cấp GCNQSDĐ. Đặc biệt, nhiều xã sau khi đo đạc bản đồ địa chính bằng máy, diện tích thực tế có sai số lớn, do đó lúng túng khi thiết lập hồ sơ. Cá biệt có những hộ gia đình sau khi dồn đổi còn tự ý chuyển nhượng cho hộ khác không thực hiện đúng quy định của Nhà nước, do đó mất nhiều thời gian xác định chủ ban đầu.

Tập quán SXNN manh mún, nhỏ lẻ đã ăn sâu vào trong nhận thức của một bộ phận không nhỏ người dân nên cần nhiều thời gian, công sức để tuyên truyền vận động. Tâm lý không muốn bỏ ruộng đã đầu tư, lo sợ nhận được vị trí ruộng không như ý của một số hộ gia đình dù đã được tuyên truyền, vận động về lợi ích của DĐĐT nên chưa thực sự đồng thuận và hưởng ứng DĐĐT. Nhận thức của một số cơ sở đảng, đảng viên còn hạn chế dẫn tới lúng túng, bị động trong công tác tuyên truyền, vận động.

Còn tồn tại tình trạng trông chờ cấp trên, chưa dám nghĩ, dám làm, ngại khó khăn, vất vả, va chạm, chưa thực sự coi trọng công tác DĐĐT. Một số cán bộ mới tham gia công tác, thiếu kinh nghiệm vận động quần chúng, chưa nắm chắc hồ sơ tài liệu và thực tế sử dụng đất của các hộ nên lúng túng, thiếu quyết liệt, tập trung trong chỉ đạo, chưa thực sự vào cuộc và quyết tâm thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện DĐĐT, trưởng ban chỉ đạo xã chưa phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chưa gắn trách nhiệm cho từng thành viên đến từng thôn mà chủ yếu phó mặc cho cơ quan chuyên môn dẫn đến hiệu quả triển khai đạt thấp.

Kinh phí hỗ trợ cho DĐĐT được phân bổ từ ngân sách ít gây khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt trong công tác chỉnh trang đồng ruộng, cứng hóa kênh mương và giao thông nội đồng, đo đạc cấp GCNQSDĐ đối với các cánh đồng có diện tích lớn.

Diện tích đất canh tác một số xã có địa hình dốc, ruộng bậc thang, không bằng phẳng, xen kẽ trong khu dân cư (Liên Chung, Tân Trung, Việt Lập) gây khó khăn trong quá trình thực hiện phương án DĐĐT. Một số hộ gia đình có vị trí ruộng tốt tỏ ra không đồng thuận, không hưởng ứng trong việc thực hiện DĐĐT.

Việc duy trì ổn định mối liên kết chặt chẽ trong sản xuất nông nghiệp giữa hộ gia đình và doanh nghiệp, thực hiện cam kết bao tiêu sản phẩm, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho nông hộ luôn là vấn đề khó khăn. Các hộ gia đình vẫn phải đối mặt với nguy cơ phải tự tìm đầu ra cho sản phẩm, giá cả nông sản bấp bênh, thiếu ổn định, phụ thuộc vào nhu cầu thị trường.

#### **3.5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Tân Yên**

Tăng cường công tác tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện công tác DĐĐT của tỉnh, huyện đến toàn bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Động viên, thuyết phục, vận động đối với các hộ gia đình chưa chấp thuận DĐĐT thấy được lợi ích lâu dài của DĐĐT. Trường



hợp vẫn không chấp thuận thì tiến hành hợp dân theo nguyên tắc đảm bảo tính dân chủ, vì lợi ích chung, thiếu số phục tùng đa số.

Lãnh đạo huyện, xã cần chủ động, sát sao, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra. Tổ chức đối thoại để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu và cấp GCNQSDĐ sau DĐĐT. Thực hiện phân công công việc rõ ràng, gắn trách nhiệm cho các đồng chí lãnh đạo cấp trường, phó và trưởng các ban, ngành của xã, thôn. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cần bố trí nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết, hướng dẫn chuyên môn đảm bảo triển khai nhanh, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ trong công tác DĐĐT.

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả kinh phí chỉnh trang đồng ruộng, cứng hóa giao thông và kênh mương nội đồng. Tổ chức họp bàn thống nhất, minh bạch và công khai các khoản thu chi tài chính trong quá trình thực hiện. Đề xuất chính quyền cấp tỉnh, huyện xem xét cấp kinh phí bổ sung để các xã hoàn thành các công việc như xây dựng giao thông, kênh mương nội đồng, đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp GCNQSDĐ sau DĐĐT.

Địa phương cần có chính sách kết hợp với các doanh nghiệp chế biến nông sản đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, Doanh nghiệp và cán bộ chuyên môn tại địa phương cần tích cực hỗ trợ kỹ thuật, tìm nguồn cung cấp giống, phân bón đảm bảo cho người dân trong quá trình sản xuất.

#### **4. KẾT LUẬN**

Công tác DĐĐT huyện Tân Yên đã có kết quả nghiệm thu tại 12/20 xã thực hiện, với diện tích nghiệm thu đạt 1240,65 ha đạt 63,27% so với kế hoạch đề ra. Tiến độ thực hiện cấp GCNQSDĐ sau DĐĐT còn chậm với 5175 giấy có quyết định cấp so với 15084 hồ sơ phải cấp. Bình quân diện tích thửa đất tăng từ 538,9 m<sup>2</sup>

lên 989,6 m<sup>2</sup>, số thửa bình quân/hộ gia đình giảm từ 5,03 thửa xuống còn 2,31 thửa. Hệ số sử dụng đất tăng 0,2 lần từ 1,51 lên 1,71 lần. Sau DĐĐT trên địa bàn huyện hình thành 19 cánh đồng mẫu lớn. 19/19 cánh đồng mẫu lớn thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch, liên kết sản xuất và ký cam kết bao tiêu sản phẩm đầu ra với hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến nông sản. Thực hiện nhiều mô hình sản xuất nông sản hàng hóa trên diện tích các cánh đồng mẫu lớn như: lạc, lúa giống, lúa chất lượng, cây ăn quả, rau màu.

Kết quả tổng hợp ý kiến của nông hộ về tác động của DĐĐT đến sản xuất nông nghiệp: 100% hộ gia đình đánh giá giao thông, kênh mương nội đồng tốt hơn, công lao động và thời gian lao động ít hơn trước DĐĐT. 100% các hộ gia đình đều thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên diện tích cánh đồng mẫu lớn sau DĐĐT. Tuy nhiên số ít hộ gia đình có ruộng đất tốt chưa đồng ý thực hiện phương án DĐĐT do có vị trí ruộng tốt và tâm lý lo sợ không nhận được vị trí ruộng ưng ý. Để nâng cao hiệu quả công tác DĐĐT huyện Tân Yên và hạn chế những khó khăn trong quá trình thực hiện công tác DĐĐT cần thực hiện các giải pháp đồng bộ từ khâu tuyên truyền, vận động nhân dân đến vấn đề chuyên môn kỹ thuật cũng như công tác chỉ đạo của chính quyền địa phương.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới 1986 – 2002*, NXB Thống kê, Hà Nội.
2. Lã Bình Minh (2011), *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả đồn điền đổi thửa tại huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương*, Luận văn Thạc sĩ Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
3. Xuân Thị Thu Thảo, Phạm Phương Nam, Hồ Thị lam Trà (2015), *Kết quả thực hiện đồn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh Nam Định*, Tạp chí Khoa học và phát triển, tập 13, số 6, tr 931 – 942.
4. UBND huyện Tân Yên (2014÷2020), *Báo cáo tổng kết công tác đồn điền đổi thửa huyện và phương hướng nhiệm vụ các năm tiếp theo*.
5. UBND huyện Tân Yên (2020), *Báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2020, mục tiêu và giải pháp chủ yếu năm 2021*.

## CURRENT SITUATION OF FUNDING WORKS IN TAN YEN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE

**Khuong Manh Ha<sup>1</sup>, Nguyen Van Vuong<sup>1</sup>, Xuan Thi Thu Thao<sup>2</sup>, Tran Thi Thanh Binh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Bac Giang Agriculture and Forestry University*

<sup>2</sup>*Vietnam National University of Forestry*

### SUMMARY

Land consolidation overcame the land fragmentation, creating advantageous conditions for mechanical application, scientific application, and the commodity agricultural production application to improve farmers' income and living standards. The results of land consolidation have had a positive impact on agricultural production in Tan Yen district, Bac Giang province such as: increasing the scale of the land plot from 538.9 m<sup>2</sup> to 989.6 m<sup>2</sup>, reducing the average number of plots/households from 5.03 plots down to 2.31 plots; increasing the utilization factor by 0.2 times, forming 19 large sample fields with a minimum area of 20 ha, meeting the mechanical requirements in the stages of tillage, harvesting, production association, and products sale. In addition, the results of this also affected the process of granting land use right certificates (reaching 34.31%) and the change, the structure, and the agricultural land use coefficient. The land consolidation plan received the consent of the majority of people in the communes in the district with 88.14% of households agreeing. The infrastructure for agricultural production after land consolidation, such as the transportation system, internal waterways, has been upgraded, creating favorable conditions for the application of commodity agricultural production models, contributing to farmers' income and living standards. However, to improve the effectiveness of land consolidation, it is necessary to implement synchronous solutions with the consensus of local people.

**Keywords:** agricultural production model, fragmented land, land consolidation, large sample field, Tan Yen – Bac Giang.

**Ngày nhận bài** : 07/12/2021

**Ngày phản biện** : 20/01/2022

**Ngày quyết định đăng** : 07/02/2022